TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07/03/2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Kiều Diễm

Bà Thái Kim Hằng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia.

Ngày 07 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Thúy L**, sinh ngày 26/10/1990

Địa chỉ: Ấp ĐP, xã TĐ A, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông **LUONG MINH TH,** sinh ngày 10/03/19673

Địa chỉ: 16331 Myrtlewood., Fountain Valley, CA 92708, Hòa Kỳ.

(Các đương sự đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 31/01/2023 và bản tự khai ngày 16/02/2023 bà Trần Thị Thúy L trình bày:

Bà và ông LUONG MINH TH quen biết nhau qua mai mối, sau khi tìm hiểu có nảy sinh tình cảm và đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/2018 tại Ủy ban nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi kết hôn bà L và chồng sống tại Việt Nam hòa thuận hạnh phúc khoảng 01 tuần thì ông TH quay về Mỹ. Trong cuộc sống hôn nhân ông bà thường

xuyên cải vã từ vấn đề kinh tế, quan điểm sống, tính chất công việc không có thời gian dành cho nhau, khoảng cách địa lý xa nên vợ chồng ít gặp mặt nên tình cảm dần phai nhạt. Đến tháng 01/2023 ông TH có quay về Việt Nam khoảng 01 tháng để làm thủ tục ly hôn với bà L, sau khi làm xong ông TH quay về Mỹ cho đến nay. Nay bà nhận thấy không còn yêu thương ông TH, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông TH.

Về con chung: Bà L và ông TH không con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông LUONG MINH TH trình bày tại văn bản đồng ý ly hôn ngày 31/01/2023 nộp trực tiếp cho Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà L trình bày. Quá trình chung sống ông bà không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Hiện nay ông đang cư trú tại Mỹ và ở lại làm việc sinh sống lâu dài, còn bà L thì ở Việt Nam. Vì vậy giữa ông và bà L không thể đoàn tụ, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L. Con chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Thúy L, bị đơn ông LUONG MINH TH đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bà Trần Thị Thúy L và ông LUONG MINH TH.

[2]. Về nội dung: Bà Trần Thị Thúy L và ông LUONG MINH TH thông qua mai mối tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện kết hôn; ông, bà thực hiện việc đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 25/7/2018. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông TH là hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Trần Thị Thúy L và ông LUONG MINH TH là do quá trình chung sống ông bà có nhiều bất đồng quan điểm, do tính chất công việc, khoảng cách địa lý xa nên dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không còn yêu thương quan tâm với nhau. Hiện tại bà L xác định không còn tình

cảm vợ chồng với ông TH, ông TH xác định không trở về Việt Nam mà cư trú làm việc lâu dài tại Mỹ và ông TH đồng ý ly hôn với bà L.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà Trần Thị Thúy L và ông LUONG MINH TH đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thúy L đối với ông LUONG MINH TH.

Về con chung: Ông TH bà L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Thúy L và ông LUONG MINH TH đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Thúy L phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000đ theo biên lai thu của Cơ quan Thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thúy L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Thúy L được ly hôn với ông LUONG MINH TH.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Thúy L và ông LUONG MINH TH không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Thúy L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai 0005713 ngày 03/02/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thúy L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được Tòa án

niêm yết. Riêng ông LUONG MINH TH có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Út Mẫn